

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27/2023/DS-ST

Ngày: 07- 07 -2023

V/v: T/c hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Duy Mạnh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Xuân Dậu và ông Đặng Quang Hoạch;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 07 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2022, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 08 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 340/2023/QĐST-DS ngày 30 tháng 06 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng V. Địa chỉ trụ sở: Số 111A P, phường BN, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V1, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình H, bà Tất Lê Uyên N, ông Lưu Duy L. Địa chỉ liên hệ: Tầng 6, Tòa nhà P, số 26 UVK, phường 25, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1987. Địa chỉ cư trú: Tổ 4, ấp HB, xã HT, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Tất Lê Uyên N có mặt, Ông Lê Văn T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 28/11/2018, Ngân hàng V đã ký kết với ông Lê Văn T hợp đồng tín dụng số: 539109.HĐTD802.18 với nội dung: Ngân hàng V cho ông Lê

Văn T vay số tiền 151.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Tiêu dùng; Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 28/11/2023; Lãi suất tại thời điểm giải ngân là: 15.5%/năm, mức lãi suất này cố định trong suốt thời hạn vay; Số tiền phải trả hàng tháng (bao gồm gốc và lãi): 3.632.032 đồng; Ngày đến hạn trả tiền hàng tháng: 15, kỳ trả đầu tiên vào ngày 15/12/2018; Hoàn trả phí: theo quy định của Ngân hàng V từng thời kỳ; Phí trả nợ trước hạn năm thứ 1: 04% giá trị trả trước hạn (Tối thiểu 500.000 đồng), năm thứ 2 trở đi: 02% giá trị trả trước hạn (Tối thiểu 500.000 đồng).

Cùng ngày 28/11/2018, Ngân hàng V đã giải ngân cho ông Lê Văn T theo Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số: 539109.KUNN.802.18 với số tiền 151.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với hợp đồng tín dụng.

Căn cứ Đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế của ông Lê Văn T, các văn bản của ông Lê Văn T ký với Ngân hàng V về việc sử dụng thẻ tín dụng. Ngày 19/11/2018, Ngân hàng V đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông Lê Văn T, chi tiết như sau: Số tài khoản thẻ: C000000000176564; loại thẻ: Thẻ tín dụng quốc tế Platinum; ngày cấp: 19/11/2018; hạn mức thẻ: 45.000.000 đồng; lãi suất, phí: theo Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng V.

Quá trình thực hiện hợp đồng và sử dụng thẻ, ông Lê Văn T đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Vì vậy, Ngân hàng V đã chuyển khoản vay của ông Lê Văn T sang khoản nợ quá hạn từ ngày 15/01/2020. Tính đến ngày 07/07/2023, ông Lê Văn T đã trả cho Ngân hàng V số tiền tổng cộng là 50.949.916 đồng (trong đó: nợ gốc 28.321.731 đồng, nợ lãi 22.628.185 đồng) và còn nợ Ngân hàng V số tiền là: **321.864.000** đồng (Ba trăm hai mươi một triệu, tám trăm sáu mươi bốn ngàn đồng), trong đó:

+ Số HĐTD/Số tài khoản thẻ: 539109.HĐTD802.18 ngày 28/11/2018: Nợ gốc ban đầu: 151.000.000 đồng; Nợ gốc đã trả: 28.321.731 đồng; Nợ gốc còn lại: 122.678.269 đồng; Nợ lãi trong hạn: 26.482.918 đồng; Nợ lãi trong hạn đã trả: 22.628.185 đồng; Nợ lãi trong hạn còn lại: 3.854.733 đồng; Nợ lãi quá hạn: 88.097.009 đồng; Tổng số nợ còn phải trả: **214.630.010** đồng.

+ Số HĐTD/Số tài khoản thẻ: 802_28112018_546989 ngày 19/11/2018 (Số tài khoản thẻ: C000000000176564): Nợ gốc: 44.683.548 đồng; Nợ lãi: 37.743.246 đồng; Phí chậm thanh toán: 24.707.201 đồng; Tổng số nợ còn phải trả: **107.133.994** đồng.

Do đó, nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom giải quyết:

1. Buộc ông Lê Văn T phải thanh toán cho Ngân hàng V toàn bộ số tiền tính đến ngày 07/07/2023 là **321.864.000** đồng (Ba trăm hai mươi một triệu, tám trăm sáu mươi bốn ngàn đồng), trong đó:

+ Số HĐTD/Số tài khoản thẻ: 539109.HĐTD802.18 ngày 28/11/2018: Nợ gốc ban đầu: 151.000.000 đồng; Nợ gốc đã trả: 28.321.731 đồng; Nợ gốc

còn lại: 122.678.269 đồng; Nợ lãi trong hạn: 26.482.918 đồng; Nợ lãi trong hạn đã trả: 22.628.185 đồng; Nợ lãi trong hạn còn lại: 3.854.733 đồng; Nợ lãi quá hạn: 88.097.009 đồng; Tổng số nợ còn phải trả: **214.630.010** đồng.

+ Số HĐTD/Số tài khoản thẻ: 802_28112018_546989 ngày 19/11/2018 (Số tài khoản thẻ: C000000000176564): Nợ gốc: 44.683.548 đồng; Nợ lãi: 37.743.246 đồng; Phí chậm thanh toán: 24.707.201 đồng; Tổng số nợ còn phải trả: **107.133.994** đồng.

2. Buộc ông Lê Văn T phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng V, kể từ ngày 08/07/2023 cho đến ngày ông Lê Văn T thanh toán xong hết nợ theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế mà các bên đã ký kết.

Về chi phí tố tụng khác: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Lê Văn T từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, vắng mặt trong quá trình chuẩn bị xét xử, tại phiên tòa và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Lê Văn T phải thanh toán cho Ngân hàng V số tiền tính đến ngày 07/07/2023 là: **321.864.000** đồng (Ba trăm hai mươi một triệu, tám trăm sáu mươi bốn ngàn đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 08/07/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ cho ngân hàng theo lãi suất mà các bên đã thỏa thuận.

+ Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị đơn phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Ngân hàng V khởi kiện đối với ông Lê Văn T hiện đang cư trú tại Tổ 4, ấp HB, xã HT, huyện TB, tỉnh Đồng Nai về nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 30 và Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là “Tranh

chấp hợp đồng tín dụng”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

1.2. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định Ngân hàng V là nguyên đơn; ông Lê Văn T là bị đơn.

1.3. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp pháp thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Lê Văn T nhưng ông T nhiều lần không đồng ý ký nhận giấy tờ, không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, thông báo. Tại phiên tòa, ông Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt ông Lê Văn T là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả tiền nợ gốc, nợ lãi:

Nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện Ngân hàng V và ông Lê Văn T đã ký kết Hợp đồng tín dụng số: 539109.HĐTD802.18 ngày 28/11/2018 và thẻ tín dụng số: 802_28112018_546989 ngày 19/11/2018.

Bị đơn ông Lê Văn T đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa ông Lê Văn T không có văn bản trình bày ý kiến hoặc phản đối. Căn cứ Điều 91, Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định nguyên đơn Ngân hàng V không phải chứng minh đối với giao dịch (Hợp đồng tín dụng) xác lập giữa nguyên đơn với bị đơn. Việc ký kết hợp đồng giữa các bên là tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật, do đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo nội dung thỏa thuận ghi nhận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng và sử dụng thẻ, ông Lê Văn T đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi phát sinh theo cam kết trong hợp đồng tín dụng. Vì vậy, Ngân hàng V đã chuyển khoản vay của ông Lê Văn T sang khoản nợ quá hạn từ ngày 15/01/2020. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông T vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ.

Căn cứ khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Ngân hàng V có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn đối với khoản vay của ông Lê Văn T.

Tính đến 07/07/2023, ông Lê Văn T còn nợ của Ngân hàng V số tiền là **321.864.000** đồng (Ba trăm hai mươi một triệu, tám trăm sáu mươi bốn ngàn đồng), trong đó:

+ Theo hợp đồng tín dụng số: 539109.HĐTD802.18 ngày 28/11/2018: Nợ gốc là: 122.678.269 đồng; Nợ lãi trong hạn: 3.854.733 đồng; Nợ lãi quá hạn: 88.097.009 đồng; Tổng số nợ còn phải trả: **214.630.010** đồng.

+ Theo tài khoản thẻ số: 802_28112018_546989 ngày 19/11/2018 (Số tài khoản thẻ: C000000000176564): Nợ gốc là: 44.683.548 đồng; Nợ lãi là: 37.743.246 đồng; Phí chậm thanh toán: 24.707.201 đồng; Tổng số nợ còn phải trả: **107.133.994** đồng.

Việc tính lãi như trên là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019.

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng V được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải nộp tiền án phí. Trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền 6.628.000 đồng (Sáu triệu, sáu trăm hai mươi tám ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải nộp số tiền 16.093.200 đồng (Mười sáu triệu, không trăm chín mươi ba ngàn, hai trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010 sửa đổi, bổ sung 2017;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V đối với ông Lê Văn T về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Lê Văn T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng V số tiền là: **321.864.000** đồng (Ba trăm hai mươi một triệu, tám trăm sáu mươi bốn ngàn đồng), trong đó: Theo hợp đồng tín dụng số: 539109.HĐTD802.18 ngày 28/11/2018: Nợ gốc: 122.678.269 đồng; Nợ lãi trong hạn: 3.854.733 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 88.097.009 đồng; Theo tài khoản thẻ số: 802_28112018_546989 ngày 19/11/2018 (Số tài khoản thẻ: C000000000176564): Nợ gốc: 44.683.548 đồng; Nợ lãi: 37.743.246 đồng; Phí chậm thanh toán: 24.707.201 đồng;

Buộc ông Lê Văn T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng V tiền lãi phát sinh tiếp theo kể từ ngày 08/07/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ nêu trên theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận quy định tại Hợp đồng tín dụng số: 539109.HĐTD802.18 ngày 28/11/2018 và Đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 19/11/2018.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn T phải nộp số tiền 16.093.200 đồng (Mười sáu triệu, không trăm chín mươi ba ngàn, hai trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng V số tiền 6.628.000 đồng (Sáu triệu, sáu trăm hai mươi tám ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000384 ngày 04/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, người có mặt tính từ ngày tuyên án, người vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- Chi cục THADS H.Trảng Bom;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Duy Mạnh